

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 378 /XMST-KHCL
V/v: Mời chào giá cạnh tranh
gói mua sắm phục hồi lồng búa máy
đập đá với LPC 1020.18 -ST

Phủ Thọ, ngày 23 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Các Nhà cung cấp tham gia chào giá
Gói mua sắm: Phục hồi lồng búa máy đập đá với LPC 1020.18 -ST

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu thực hiện mua sắm dịch vụ: Phục hồi lồng búa máy đập đá với LPC 1020.18 -ST. Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm nêu trên. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá cạnh tranh theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá vào **hồi 10 h 00', ngày 05/5/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào **hồi 10 h 15', ngày 05/5/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Cúc: 0967. 389.681.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Tên gói mua sắm: Phục hồi lồng búa máy đập đá vôi LPC 1020.18-ST
(Ký hiệu: XMST/2020/BĐ)

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phú Thọ, tháng 4/2020

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

Tên gói mua sắm:

**Phục hồi lồng búa máy đập đá với LPC
1020.18-ST**

Phát hành ngày

23/4/2020

Phòng KHCL



Bùi Thu Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO**



**KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh thông thường
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh thông thường gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

Tên gói mua sắm: Phục hồi lồng búa máy đập đá vôi LPC 1020.18 -ST

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá trọn gói

4. Thời gian thực hiện: Trong vòng 60 ngày, kể từ ngày hai bên ký Hợp đồng.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá.

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05A Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu
5. Các cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, cung cấp chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất theo yêu cầu giá chào tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
6. Dự thảo hợp đồng.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá

đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá: Không áp dụng.

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **01 bản chụp** Thư chào giá. Bản gốc và bản chụp Thư chào giá phải được đóng thành quyển, ngoài bìa ghi rõ “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ”. Thư chào giá phải có danh mục (mục lục) tài liệu mà Nhà cung cấp lập trong Thư chào giá.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của

nhà cung cấp chỉ sử dụng 01 túi để đựng hồ sơ và phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá là: **hồi 10 giờ 00' ngày 5 tháng 5 năm 2020.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 10 giờ 15' ngày 5 tháng 5 năm 2020.**

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp: Không áp dụng.

Mục 16. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp;

Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá đánh giá thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa (không áp dụng)

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy

quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax: 02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Cúc (SĐT: 0967. 389.681).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian thực hiện giao hàng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp (không áp dụng);

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
2.1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 10
Năng lực kinh nghiệm				
	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	- Từ ngày 01/01/2017, đến thời điểm nộp Thư chào giá, Nhà cung cấp phải có ít nhất 01 hợp đồng đã thực hiện phục hồi thiết bị cho các Nhà máy xi măng.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09

2.5. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu cụ thể như sau:

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Số lượng	Tiêu chí đánh giá	
				Đạt	Không đạt
	Phục hồi bộ lồng búa đập máy đập đá với LPC 1020.18-ST Bao gồm:			Chào đủ phạm vi công việc, số lượng yêu cầu	Chào thiếu phạm vi công việc, số lượng yêu cầu
I	Phương án kỹ thuật phục hồi lồng búa theo yêu cầu của Bên A				
1	Lập Phương án kỹ thuật phục hồi lồng búa, nêu rõ các bước thực hiện công việc; đảm bảo			Có phương án kỹ thuật phục hồi; phương án đúng nội	Không có phương án kỹ thuật phục hồi; phương án

	quá trình vận chuyển thiết bị an toàn; khi tháo các chi tiết đảm bảo trục chính của lồng búa, các chi tiết khóa hãm không bị gãy, xước, biến dạng. Thực hiện siêu âm toàn phần trục chính lồng búa nhằm phát hiện các dị tật, nứt vỡ, kiểm tra thẩm thấu trên bề mặt trục			dung công việc Bên A yêu cầu thực hiện, phù hợp, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	không đúng nội dung công việc Bên A yêu cầu thực hiện, không phù hợp và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
2	Xây dựng bản vẽ gia công các chi tiết thay thế (đĩa búa, trục định tâm, bạc lót, trục treo búa..)			Có bản vẽ gia công các chi tiết thay thế (đĩa búa, trục định tâm, bạc lót, trục treo búa..) đáp ứng yêu cầu của Bên A	Không có bản vẽ gia công các chi tiết thay thế (đĩa búa, trục định tâm, bạc lót, trục treo búa..) hoặc bản vẽ không đáp ứng yêu cầu của Bên A
3	Đối với việc gia công các chi tiết mới: + Gia công chế tạo các chi tiết mới của bộ lồng búa theo đúng bản vẽ Bên B lập được Bên A xác nhận, đảm bảo phù hợp với các thiết bị của Bên A; + Các chi tiết gia công mới phải đảm bảo độ chính xác về các kích thước và dung sai cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam: TCXDVN 170 - 2007 (<i>Kết cấu thép - gia công, lắp ráp và nghiệm thu</i>); TCVN 224499 (<i>Tiêu chuẩn dung sai về hệ thống lỗ và hệ thống trục</i>); + Đĩa mặt đầu sử dụng thép tấm 30Mn để chế tạo; + Lỗ lắp trục treo búa sử dụng chi tiết bạc lót, vật liệu chế tạo bằng thép chịu mài mòn 40X hoặc tương đương được nhiệt luyện thấm tôi bề mặt dày từ 0,5mm đến 1,0mm; + Toàn bộ các vị trí làm việc trên lồng búa (các mặt đỉnh của đĩa) sau khi tổ hợp hoàn chỉnh sẽ được hàn phủ thêm dây hàn chịu mài mòn Corodur/Đức dày từ 8mm đến 10mm; + Các bu lông lắp ghép yêu cầu thay mới, sử dụng bu				

	lông cấp bên từ 8.8 trở lên; + Việc xử lý nhiệt luyện bề mặt lắp ghép theo tiêu chuẩn công nghệ riêng của Đơn vị chào giá; + Các vật liệu sử dụng để gia công chế tạo phải mới 100%, không rỉ, gỉ bề mặt;				
4	+ Các vật liệu sử dụng để gia công chế tạo phải mới 100%, không rỉ, gỉ bề mặt; + Đối với việc tổ hợp, lắp ghép lồng búa phải đảm bảo độ chặt, đảm bảo các chi tiết lắp ghép không bị dịch chuyển tương đối trong quá trình hoạt động. Mỗi lắp ghép giữa đĩa búa và trục chính là mỗi lắp ghép có độ dôi. Quá trình lắp ghép phải đảm bảo độ đồng tâm giữa các lỗ lắp trục treo búa.				
5	Đối với việc hàn đắp: + Bộ lồng búa sau khi được tổ hợp phải được hàn đắp lớp chịu mài mòn bằng dây hàn chịu mài mòn Corodur/Đức . Trường hợp Đơn vị chào giá chuyển đổi sang loại dây hàn khác tương đương thì Nhà cung cấp phải nêu rõ các thông số, các đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu của chủng loại dây hàn tương đương mà Nhà cung cấp đề nghị chuyển đổi. + Về Biên dạng hàn đắp yêu cầu, chiều dày hàn đắp trên bề mặt làm việc yêu cầu $\geq 08\text{mm}$. Đối với 02 đĩa mặt đầu hàn chịu mài mòn kiểu zic zắc, với kích thước $30 \times 30\text{mm}$, với chiều cao lớp zic zắc $\geq 3\text{mm}$; + Lớp hàn đắp đảm bảo liên kết đồng nhất với phần vật liệu gia công chế tạo, không có các khuyết tật như bị tách lớp, bề mặt bị rỉ khí, bong tróc, ngậm xỉ, rạn nứt;				
II	Nội dung, khối lượng công việc thực hiện cụ thể:				
1	Siêu âm trục lồng búa cũ	bộ	01	Chào đúng nội dung công việc, số lượng	Chào không đúng nội dung công việc,

				yêu cầu	số lượng yêu cầu
2	Vận chuyển 02 chiều	chuyển	02	nt	nt
3	Gia công đĩa mặt đầu	cái	02	nt	nt
4	Gia công đĩa giữa	cái	06	nt	nt
5	Gia công trục định tâm	cái	05	nt	nt
6	Gia công bạc lót+ bạc định hình	cái	40	nt	nt
7	Gia công trục lắp búa	cái	05	nt	nt
8	Gia công bích chặn trục búa và các phụ kiện kèm theo	cái	10	nt	nt
9	Bu lông thay mới	cái	16	nt	nt
10	Dây hàn đắp	kg	250	nt	nt
*	Thời gian giao hàng: trong vòng 60 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng			Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
*	Địa điểm bốc xếp, giao, nhận hàng 2 chiều: tại kho của Vicem Sông Thao			Đúng địa điểm yêu cầu	Không đúng địa điểm yêu cầu
*	Điều kiện bảo hành: + Bảo hành phần trục treo búa 12 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng; + Bảo hành phần hàn đắp với chiều dày mỗi hàn $\geq 1,0\text{mm}$ trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng; + Bảo hành bộ lồng búa (gồm các đĩa mặt đầu, đĩa giữa và các chi tiết kết nối) không bị nứt, vỡ với sản lượng đập phải đạt $\geq 1.600.000$ tấn; Thời gian làm việc ≥ 3.800 giờ.			Đáp ứng tất cả các yêu cầu bảo hành	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đúng các nội dung yêu cầu bảo hành

*** Điều kiện nghiệm thu:**

Stt	Yêu cầu	Đáp ứng	Không đáp ứng
I	Nghiệm thu tĩnh		
	Khi Nhà cung cấp vận chuyển lồng búa đã được khôi phục lên Vicem Sông Thao, Hai Bên tiến hành nghiệm thu về các thông số kỹ thuật, qui cách, kiểm tra các tài		

	liệu chứng nhận bao gồm:		
1	Biên bản bàn giao thiết bị		nt
2	Kết quả kiểm tra siêu âm, thử thấm thấu bề mặt của 1 đơn vị độc lập;		nt
3	Bản vẽ hoàn công, có xác nhận của Bên A		nt
4	Giấy chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất		nt
II	Nghiệm thu sau khi chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng.		
1	+Nhà cung cấp cam kết lồng búa sau khi được khôi phục đưa vào lắp đặt tương thích với thiết bị hiện có của Bên A và khi chạy thử trong 72 giờ, thiết bị hoạt động ổn định. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên B bàn giao lồng búa đã khôi phục cho Bên A, Bên A sẽ đưa vào lắp đặt và chạy thử 72 giờ. Nếu sau khi lắp đặt và chạy thử 72 giờ, thiết bị hoạt động ổn định, Hai Bên A- B sẽ ký nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng; Biên bản nghiệm thu tĩnh (nhập kho) và Biên bản nghiệm thu chạy thử 72 giờ, bàn giao cho Bên A đưa vào sử dụng, là cơ sở để Hai Bên lập Hồ sơ quyết toán Hợp đồng.		
2	+ Trường hợp do điều kiện sản xuất của Bên A, trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nghiệm thu nhập kho mà Bên A không đưa vào lắp đặt để chạy thử có tải 72 giờ thì Hai Bên thống nhất lập Hồ sơ thanh toán trên cơ sở Biên bản nghiệm thu nhập kho. Bên B cam kết khi điều kiện sản xuất của Bên A cho phép, Bên A đưa vào lắp đặt chạy có tải 72 giờ thì lồng búa phải hoạt động ổn định, nếu hoạt động không ổn định Bên B phải sửa chữa, khắc phục đến khi chạy có tải hoạt động ổn định.		nt

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào:

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú: (1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ

được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian giao hàng là _____ [Ghi thời gian giao hàng theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ghi ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ⁽¹⁾

Bên thụ hưởng: ____ [*Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào giá*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*Ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số: ____ [*Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá*]

Bên bảo lãnh: ____ [*Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] thuộc Phương án mua sắm ____ [*Ghi tên PAMS*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói mua sắm này bằng một khoản tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư chào giá;
2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào giá: Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào giá: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự chào giá là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Phục hồi bộ lồng búa đập máy đập đá vôi - Máy đập đá vôi LPC 1020.18-ST Bao gồm:	bộ	01		
1	Siêu âm trục lồng búa cũ	bộ	01		
2	Vận chuyển 02 chiều	chuyển	02		
3	Gia công Đĩa mặt đầu	cái	02		
4	Gia công Đĩa giữa	cái	06		
5	Gia công Trục định tâm	cái	05		
6	Gia công Bạc lót+ bạc định hình	cái	40		
7	Gia công Trục lắp búa	cái	05		
8	Gia công Bích chặn trục búa và các phụ kiện kèm theo	cái	10		
9	Bu lông thay mới	cái	16		
10	Dây hàn đắp	kg	250		
	Cộng giá trị tính trước thuế				
	Thuế GTGT 10%				
	Cộng giá trị tính sau thuế				

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẴM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá⁽¹⁾.		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. ☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời cung cấp phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và Thư chào giá sẽ bị loại.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi cung cấp hàng hóa được mô tả **tại Chương II mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.**

Mục 2. Thời gian giao hàng. Bên B hoàn thành việc khôi phục bộ lồng búa, bàn giao cho Bên A trong vòng 60 ngày, kể từ ngày Hai bên ký Hợp đồng.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật (Xem tại Chương II mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật).

ĐƯ' THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v phục hồi lồng búa máy đập đá vôi LPC 1020.18 -ST

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên;

Hôm nay, ngày 15/2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Mã số thuế : 2600279082

II. BÊN B (BÊN BÁN):

Mã số thuế :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung, giá trị, hình thức Hợp đồng:

1.1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận phục hồi bộ lồng búa máy đập đá vôi LPC 1020.18-ST cho nhà máy của Bên A.

1.2. Giá trị Hợp đồng:đồng (*Bằng chữ:*.....).

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Phục hồi bộ lồng búa đập máy đập đá vôi - Máy đập đá vôi LPC 1020.18-ST Bao gồm:	bộ	01		
1	Siêu âm trực lồng búa cũ	bộ	01		
2	Vận chuyển 02 chiều	chuyến	02		
3	Gia công Đĩa mặt đầu	cái	02		
4	Gia công Đĩa giữa	cái	06		
5	Gia công Trụ định tâm	cái	05		
6	Gia công Bạc lót+ bạc định hình	cái	40		
7	Gia công Trụ lắp búa	cái	05		
8	Gia công Bích chặn trục búa và các phụ kiện kèm theo	cái	10		
9	Bu lông thay mới	cái	16		
10	Dây hàn đập	kg	250		
	Cộng giá trị tính trước thuế				
	Thuế GTGT 10%				
	Cộng giá trị tính sau thuế				

Giá trị nêu trên đã bao gồm chi phí tiếp nhận lồng búa từ kho Bên A (trên phương tiện vận chuyển Bên B) chi phí vận chuyển lồng búa từ Vicem Sông Thao về xưởng Bên B; chi phí khôi phục lại lồng búa; chi phí vận chuyển lồng búa sau khi khôi phục từ Xưởng Bên B về đến kho Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.

1.3. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá trọn gói.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

a. Trước khi tiến hành khôi phục bộ lồng búa máy đập đá vôi, Bên B phải khảo sát, lập Biện pháp, bản vẽ gia công các chi tiết lồng búa và bản vẽ tổ hợp lồng búa máy đập đá vôi trình Bên A phê duyệt Biện pháp và xác nhận các bản vẽ do Bên B lập.

Biện pháp thi công, bản vẽ gia công các chi tiết và tổ hợp lồng búa do Bên B lập trên cơ sở tham khảo bản vẽ cơ sở của Bên A và khảo sát thực tế tại hiện trường. Biện pháp thi công và bản vẽ gia công chi tiết, tổ hợp lồng búa làm căn cứ để Hai Bên nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b. Thực hiện việc cầu, hạ lồng búa khi giao nhận giữa Hai Bên tại kho của Bên A phải đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị.

c. Thực hiện việc tháo các bộ phận, chi tiết cũ và lắp đặt các chi tiết mới vào lồng búa theo đúng qui trình kỹ thuật, đúng Biện pháp do Bên B lập được Bên A phê duyệt. Quá trình tháo chi tiết cũ đảm bảo trục chính của lồng búa, các chi tiết khóa hãm không bị gãy, xước, biến dạng, hư hỏng.

d. Thực hiện siêu âm toàn phần trục chính lồng búa nhằm phát hiện các dị tật, nứt vỡ, kiểm tra thẩm thấu trên bề mặt trục (có Bản kết quả kiểm tra siêu âm của một Đơn vị chuyên ngành độc lập với Bên B kèm theo).

e. Gia công chế tạo các chi tiết mới của bộ lồng búa theo đúng bản vẽ Bên B lập được Bên A xác nhận, đảm bảo phù hợp với các thiết bị của Bên A;

Các chi tiết gia công mới phải đảm bảo độ chính xác về các kích thước và dung sai cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam: TCXDVN 170 -2007 (*Kết cấu thép - gia công, lắp ráp và nghiệm thu*); TCVN 224499 (*Tiêu chuẩn dung sai về hệ thống lỗ và hệ thống trục*).

f. Sử dụng đúng chủng loại vật liệu để chế tạo đĩa búa: các đĩa mặt đầu chế tạo bằng thép tấm cường độ cao thép 30Mn, các đĩa giữa được chế tạo bằng thép C45.

Đối với lỗ lắp trục treo búa sử dụng chi tiết bạc lót sẽ được chế tạo bằng thép chịu mài mòn 40X hoặc tương đương, được nhiệt luyện thấm tôi bề mặt dày từ 0,5mm đến 1,0mm (*có các giấy CQ, CO bản sao y bản chính của vật liệu đưa vào chế tạo kèm theo*);

Các vật liệu Bên B đưa vào chế tạo phải là vật liệu mới 100%, không rỉ, gỉ bề mặt.

g. Yêu cầu kỹ thuật đối với các đĩa búa:

+ Toàn bộ các vị trí làm việc trên lòng búa (các mặt đỉnh của đĩa) sau khi tổ hợp hoàn thành phải được hàn phủ thêm lớp dây hàn chịu mài mòn Corodur /Đức, với chiều dày lớp hàn đắp từ 8 -10mm. Chất lượng mối hàn phải đảm bảo liên kết đồng nhất giữa vật liệu chế tạo và vật liệu hàn; mối hàn không ngâm xỉ, rỉ khí, bong tróc bề mặt, không có hiện tượng nứt, vỡ.

h. Các bu lông lắp ghép do Bên B cấp thay mới có cấp bền từ 8.8 trở lên.

i. Việc xử lý nhiệt luyện bề mặt lắp ghép theo tiêu chuẩn công nghệ của Bên B.

k. Quá trình tổ hợp, lắp ghép các chi tiết lòng búa đảm bảo độ chặt, không bị dịch chuyển tương đối trong quá trình búa hoạt động. Mối ghép giữa đĩa búa và trục chính là mối ghép có độ dôi. Quá trình lắp ghép phải đảm bảo độ đồng tâm giữa các lỗ lắp trục treo búa.

m. Đối với việc hàn đắp:

+ Bộ lòng búa sau khi được tổ hợp phải được hàn đắp lớp chịu mài mòn bằng dây hàn chịu mài mòn Corodur/Đức. Trường hợp Bên B chuyển đổi sang loại dây hàn khác tương đương thì Bên B phải nêu rõ các thông số, các đặc tính kỹ thuật, các tài liệu về nhãn hiệu của chủng loại dây hàn tương đương mà Bên B đề nghị chuyển đổi.

+ Về Biên dạng hàn đắp yêu cầu, chiều dày hàn đắp trên bề mặt làm việc yêu cầu $\geq 08\text{mm}$. Đối với 02 đĩa mặt đầu hàn chịu mài mòn kiểu zic zắc, với kích thước $30 \times 30\text{mm}$, với chiều cao lớp zic zắc $\geq 3\text{mm}$;

+ Lớp hàn đắp đảm bảo liên kết đồng nhất với phần vật liệu gia công chế tạo, không có các khuyết tật như bị tách lớp, bề mặt bị rỉ khí, bong tróc, ngâm xỉ, rạn nứt;

n. Phải có giấy kiểm tra chất lượng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Nhà máy chế tạo của Bên B khi xuất xưởng.

o. Lòng búa sau khi chế tạo, phục hồi phải đảm bảo lắp đặt phù hợp với thiết bị của Bên A và khi chạy thử có tải trong 72 giờ lòng búa phải hoạt động ổn định, đáp ứng các yêu cầu vận hành thiết bị.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

Việc nghiệm thu khôi phục bộ lòng búa máy đập phụ gia phải được tiến hành qua 02 giai đoạn:

2.2.1. Giai đoạn 1: Nghiệm thu tĩnh:

a. Sau khi Bên B hoàn thành việc khôi phục lòng búa đạt yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, Bên B vận chuyển bộ lòng búa lên nhà máy Bên A, Hai Bên tiến hành kiểm tra thiết bị trên cơ sở các yêu cầu kỹ thuật, bản vẽ gia công được Bên A xác nhận, đối chiếu với thực

tế, bản vẽ hoàn công và các giấy tờ có liên quan, hai bên sẽ nghiệm thu nhận hàng chờ đưa vào lắp đặt chạy thử có tải. Các Hồ sơ, giấy tờ phục vụ việc nghiệm thu bao gồm:

- + Biên bản giao, nhận thiết bị (02 chiều);
- + Kết quả siêu âm, thử thẩm thấu bề mặt của Đơn vị chức năng, độc lập với Bên B;
- + Bản vẽ hoàn công chế tạo, tổ hợp thiết bị do Bên B lập có xác nhận của Bên A;
- + Giấy CO, CQ vật liệu thép, dây hàn do Bên B đưa vào sử dụng;
- + Giấy chứng nhận xuất xưởng của Nhà sản xuất.

2.2.2. Giai đoạn 2: Nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng:

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hàng hóa được Bên B bàn giao cho Bên A, Bên A sẽ thực hiện lắp đặt thiết bị vào vị trí để chạy thử có tải 72 giờ.

Nếu thiết bị lắp đặt phù hợp, tương thích với thiết bị của Bên A, Bên A sẽ tiến hành cho thiết bị chạy thử có tải 72 giờ.

Nếu sau 72 giờ chạy thử có tải, thiết bị máy đập vận hành ổn định, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ nghiệm thu chạy thử có tải và bàn giao đưa vào sử dụng.

Bên A sẽ không nghiệm thu nhận bàn giao đưa vào sử dụng, nếu qua lắp đặt, chạy thử có tải 72 giờ, thiết bị vận hành không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, khi đó Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục. Mọi chi phí có liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian giao hàng:

Lồng búa máy đập đá vôi được Bên B khôi phục xong, giao lại cho Bên A tại kho Nhà máy Bên A trong vòngngày, kể từ ngày đưa vào sử dụng.

Điều 4. Phương thức thanh toán:

4.1. Thanh toán Hợp đồng:

a. Hai Bên tiến hành lập Hồ sơ thanh toán Hợp đồng trên cơ sở nghiệm thu tĩnh, Biên bản bàn giao đưa vào sử dụng (*Trong trường hợp trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu nhập kho, Bên A tiến hành lắp đặt thiết bị và chạy thử có tải 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, được bàn giao đưa vào sử dụng*) hoặc trên cơ sở Biên bản nghiệm thu tĩnh nhập kho (*Trong trường hợp trong vòng 30 ngày, kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu nhập kho mà Bên A không tiến hành lắp đặt thiết bị và chạy thử có tải 72 giờ để nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng*).

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ thanh toán được A- B ký, giấy đề nghị thanh toán của Bên B, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 95% giá trị hoàn thành và giữ lại 5% giá trị hoàn thành để bảo hành hoặc Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hoàn thành khi Bên B cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng có giá trị bằng 5% giá trị hoàn thành và có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày phát hành.

b. Trường hợp Hai Bên lập Hồ sơ thanh toán trên cơ sở Biên bản nghiệm thu nhập kho thì sau này khi Bên A lắp đặt thiết bị vào để chạy thử, Bên B vẫn phải có trách nhiệm phối hợp với Bên A khi chạy thử và Hai Bên vẫn phải nghiệm thu thiết bị sau khi chạy thử thiết bị. Nếu qua chạy thử thiết bị không đạt yêu cầu, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục đến khi đạt yêu cầu. Kinh phí sửa chữa, khắc phục do Bên B chịu.

Trường hợp Bên B không sửa chữa, khắc phục được, Bên A có thể thuê Nhà thầu khác, sửa chữa, khôi phục lại, Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại có liên quan.

4.2. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng:

a. Trường hợp Bên B bảo hành bằng tiền mặt: Khi hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có). Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và lập Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng được A-B ký, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại cho Bên B;

b. Trường hợp Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh bảo hành: Hợp đồng sẽ tự thanh lý khi hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có).

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Phê duyệt Biện pháp thi công và xác nhận bản vẽ gia công chế tạo các chi tiết của lồng búa máy đập đá vôi do Bên B lập trước khi Bên B tiến hành thi công. Bàn giao lồng búa máy đập đá vôi cho Bên B tại Nhà máy Bên A, đảm bảo kịp thời để Bên B về khôi phục lại lồng búa.

b. Cung cấp cho Bên B các tài liệu kỹ thuật có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình Bên B thực hiện Hợp đồng.

c. Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) và làm các Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

d. Tiến hành lắp đặt, chạy thử thiết bị để kiểm tra chất lượng hàng hóa.

e. Thanh, quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Lập Biện pháp, bản vẽ gia công chế tạo, khôi phục lồng búa máy đập đá vôi trình Bên A phê duyệt và xác nhận trước khi Bên B tiến hành khôi phục lại lồng búa.

b. Tổ chức thi công khôi phục lồng búa máy đập đá vôi đúng Biện pháp, bản vẽ do Bên B lập được Bên A xác nhận; đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu; đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, thiết bị. Nếu trong quá trình thi công Bên B làm mất hoặc hư hỏng tài sản của Bên A (*xác nhận nguyên nhân gây hư hỏng, mất mát do lỗi của Bên B*) thì Bên B phải đền bù 100% giá trị tài sản bị mất hoặc bị thiệt hại do hư hỏng theo giá trị tại thời điểm.

c. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) và làm các Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng;

d. Bảo hành chất lượng công việc sửa chữa thiết bị theo Điều 7 của Hợp đồng.

e. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 6. Phạt do vi phạm Hợp đồng:

Nếu Bên B hoàn thành công việc chậm so với qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm và thời gian chậm không quá 06 ngày. Nếu Bên B chậm quá 06 ngày, Bên A có quyền hủy Hợp đồng mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B. Khi đó, Bên A có thể giao Nhà thầu khác thực hiện tiếp các phần việc Bên B còn chưa thực hiện. Khi đó, Bên B phải bồi thường mọi thiệt hại liên quan đến việc chậm tiến độ do Bên B gây ra, đồng thời Bên B phải chịu phạt 8,0% giá trị Hợp đồng.

Điều 7. Bảo hành:

7.1. Thời gian bảo hành:

- a. Bảo hành chất lượng gia công trục treo búa trong thời gian là 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng.
- b. Bảo hành chất lượng hàn đắp với chiều dày mỗi hàn $\geq 1,0\text{mm}$ trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày đưa vào sử dụng.
- c. Bảo hành Bảo hành bộ lồng búa (gồm các đĩa mặt đầu, đĩa giữa và các chi tiết kết nối) không bị nứt, vỡ với sản lượng đập phải đạt $\geq 1.600.000$ tấn; Thời gian làm việc ≥ 3.800 giờ.

Trường hợp khi Bên B bảo hành bằng giấy bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng với hiệu lực là 24 tháng, kể từ ngày phát hành bảo lãnh thì nếu đến thời điểm giấy bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà hàng hóa vẫn chưa hết thời gian bảo hành thì Bên A sẽ yêu cầu và Bên B phải cung cấp cho Bên A giấy bảo lãnh bảo hành mới hoặc gia hạn giấy bảo lãnh bảo hành đã cấp, đảm bảo đủ thời gian còn phải bảo hành thiết bị.

7.2. Trách nhiệm trong thời gian bảo hành:

- a. Trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra hư hỏng được xác định do lỗi của Bên B thì sau khi nhận được thông báo của Bên A, chậm nhất không quá 24 giờ, Bên B bằng kinh phí của mình phải kiểm tra, sửa chữa, khắc phục. Thời gian khắc phục, sửa chữa Hai Bên sẽ cùng xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của thiết bị, nhưng không chậm hơn 05 ngày, kể từ ngày tiến hành khắc phục, sửa chữa.
- b. Nếu quá 24 giờ, kể từ khi Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành kiểm tra, khắc phục, sửa chữa thì Bên A sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành (*nếu Bên A giữ lại tiền để bảo hành*), nếu giá trị khắc phục, sửa chữa vượt quá giá trị Bên A giữ lại để bảo hành thì Bên B phải bồi thường cho Bên A.

Điều 8. Bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, dịch bệnh, thiên tai, dịch họa,.... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên và việc kéo dài này sẽ không áp dụng điều khoản phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ như qui định tại Điều 8 của Hợp đồng.

Điều 9. Điều khoản chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

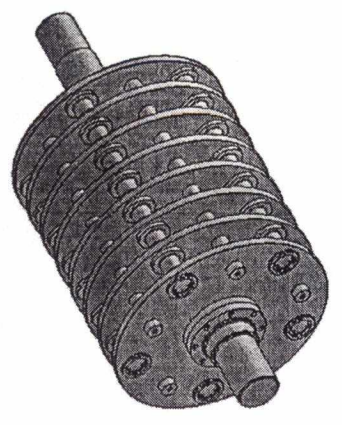
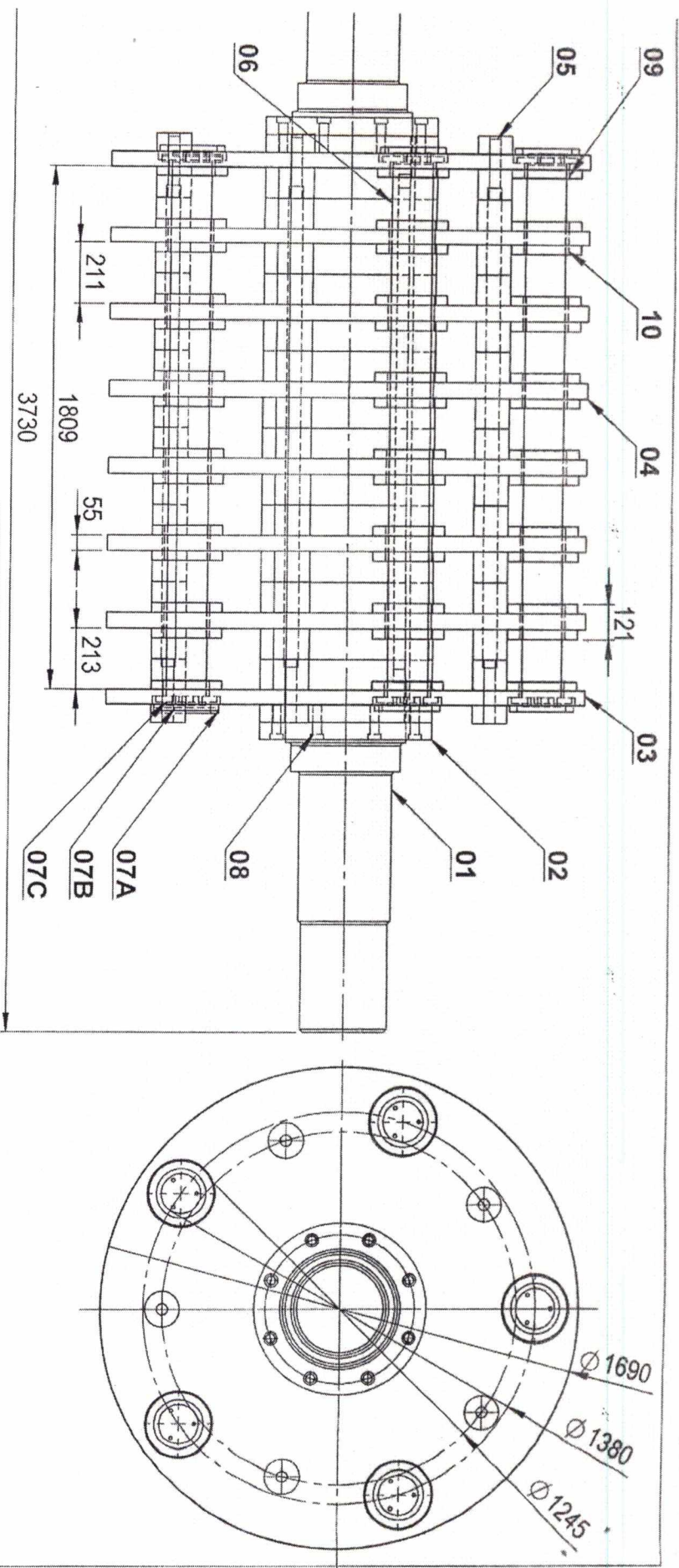
9.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ, tên
Chức vụ



ITEM NO.	PART NUMBER	DESCRIPTION	QTY.
1	TRỤC BÚA	SỬ DỤNG LẠI	1
2	BÍCH CHẶN	GIA CÔNG MỚI	2
3	ĐĨA MẶT ĐẦU	GIA CÔNG MỚI	2
4	ĐĨA GIỮA	GIA CÔNG MỚI	6
5	CHÓT CHẶN	GIA CÔNG MỚI	5
6	TRỤC LẬP BÚA	GIA CÔNG MỚI	5
7	BÍCH CHỖNG TRÔI	GIA CÔNG MỚI	10
8	BU LÔNG LẬP GHÉP	GIA CÔNG MỚI	16

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO				HỆ THỐNG MÁY ĐẬP ĐÁ VỎI LPC 1020.18-ST			
Chức năng	Người ký	Ngày	BÀN VẼ LẬP GHÉP LÔNG BÚA ĐẬP ĐÁ VỎI LPC 1020.18-ST		Vật liệu	Số lượng	Khối lượng
Duyệt	Nguyễn Ngọc Linh					01 bộ	14.800 kg
Kiểm tra	Dương Văn Hà				Tờ:	Số tờ:	Tỷ lệ:
Kiểm tra							
Người vẽ	Nguyễn Cao Kỳ		Mã bản vẽ: 02.02 - LB		PHÒNG KỸ THUẬT		